|  |
| --- |
| *Mẫu số 06/DVTHTT ban hành kèm theo TT số /2023/TT-BTTTT Ngày / /2023* |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /GCN-KENH-PTTH&TTĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

*(Có giá trị đến hết ngày…. tháng ….năm…. )*

*Cấp lần đầu ngày…..... tháng….. năm ...*

*Cấp............…. ngày…. tháng…. năm …..*

**CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHỨNG NHẬN:**

**Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa)**:

………………………………………………………………………………………………………

- Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………………………………….

*- Điện thoại:…………………………………..- Fax:……………………………………………..*

*- Email (nếu có):………………………………………………………………………………….*

*- Website (nếu có): ………………………………………………………………………………*

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do ... cấp lần đầu ngày....tháng ....năm; ...Cấp...ngày...tháng...năm...

*- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ truyền hình trả tiền số ..... do....cấp ngày…. tháng….. năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục).*

**1. Chứng nhận đăng ký *danh mục/ bổ sung, sửa đổi* danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)** | **ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)** | **LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH** | **PHẠM VI CUNG CẤP** |
| **I** | **Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương** | | | | | |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Các kênh chương trình trong nước khác** | | | | | |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Kênh chương trình nước ngoài** | | | | | |
| 4 |  |  |  |  |  |  |

**2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)** | **ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)** | **LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH** | **PHẠM VI CUNG CẤP** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |

**3. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

*(Tên doanh nghiệp)* có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận**

*Việc cung cấp các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của hợp đồng/ thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.*

*Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số…….. (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** *- Tổ chức được cấp chứng nhận; - Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c); - Sở TTTT (phù hợp với phạm vi quản lý); - Lãnh đạo Cục; - Phòng QLDV, Văn phòng; - Lưu: VT, P. PTTH.* | **CỤC TRƯỞNG** *(Ký tên đóng dấu)* |

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.*